

Cẩm Phả, ngày 20 tháng 09 năm 2023

**CÔNG KHAI MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
NĂM HỌC 2023-2024 VÀ DỰ KIẾN CHO CẢ CẤP HỌC**

Căn cứ thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017, ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số: 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ công văn số 2593/HD-SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo ngày 19/09/2023 về Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND;

Trường THPT Mông Dương công khai mức thu học phí và các khoản thu khác năm học 2023 - 2024 và dự kiến cả cấp học như sau:

Stt	Khoản thu	Đối tượng	Năm học 2023 - 2024			Dự kiến cho cả cấp học		Ghi chú
			Mức thu/tháng/ hs	Số tháng (không quá)	Dự kiến thời gian thu	Năm học 2024 - 2025	Năm học 2025 - 2026	
						Mức thu/tháng/hs	Mức thu/tháng/hs	
1	Học phí	Học sinh học trực tiếp	300.000	9	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	300.000	300.000	Thực hiện theo Nghị quyết số: 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021
		Học sinh học trực tuyến trong thời gian dịch bệnh	240.000			80% mức 300.000 đồng	80% mức 300.000 đồng	
2	Bảo hiểm y tế	Học sinh khối 10	680.400	12	Thu 1 lần vào tháng 12	Mức thu theo hướng dẫn của BHXH	Mức thu theo hướng dẫn của BHXH	Đối tượng miễn giảm thực hiện theo quy định
		Học sinh khối 11	680.400	12				
		Học sinh khối 12	510.300	9				
3	Tiền trông giữ phương tiện tham gia giao thông của học sinh	Học sinh đi xe đạp điện, xe máy điện	36.500	9	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 1	Không quá 50.000đ	Không quá 50.000đ	Thực hiện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021.
		Học sinh đi xe đạp	25.000	9		Không quá 30.000đ	Không quá 30.000đ	
4	Nước uống của học sinh	Học sinh nhà trường	9.600	9	Thu lần 1 vào tháng 10; lần 2 vào tháng 5	Không quá 10.000đ	Không quá 10.000đ	Mức thu cụ thể mỗi khoản thu của từng năm căn cứ thống nhất.

5	Tiền điện tiêu hao đối với các lớp có lắp điều hòa	Học sinh các lớp có sử dụng điều hòa	11.800	9	Thu 1 lần vào tháng 5	Thu theo thực tế sử dụng	Thu theo thực tế sử dụng	thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. Chỉ thu khi đã thống nhất với cha mẹ HS.
6	Học thêm tại trường (ngoài giờ học chính khóa)	Học sinh tham gia học thêm	8.000	9	Thu sau mỗi tháng học	Không quá 10.000đ	Không quá 10.000đ	

Nơi nhận:

- <https://c3mongduong.edu.vn/>;

- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Dương Thị Bích Mai